

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN C
TỈNH TÂY NINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 17/2024/DS-ST
Ngày: 07-3-2024
V/v tranh chấp hợp đồng mua bán

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH TÂY NINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hồ Thị Bảo Ngọc

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Thái Văn Lộc

Ông Lê Văn Lài

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Vương Lệ Hằng, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tây Ninh.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa:** Ông Võ Minh Mẫn – Kiểm sát viên.

Trong ngày 07 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 108/2023/TLST-DS ngày 04 tháng 4 năm 2023 về việc tranh chấp hợp đồng mua bán, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2024/QĐXX-ST ngày 19 tháng 01 năm 2024, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Công ty TNHH MTV Q; địa chỉ trụ sở: 01/8 số 11, ấp Tràm Bom, xã Tân Phú Trung, huyện Củ Chi, Thành Phố Hồ Chí Minh (gọi tắt là Công ty Q).

Ông Dương Minh L – Chức vụ: Giám đốc là người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn.

Ông Trần Quang Đ – Chức vụ: Giám sát là người đại diện theo uỷ quyền của ông L.

- **Bị đơn:** Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1955; nơi cư trú: Tổ 6, ấp S, xã T, huyện C, tỉnh Tây Ninh, vắng mặt không lý do.

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Bà Nguyễn Thị Kim T, sinh năm 1960; nơi cư trú: Tổ 6, ấp S, xã T, huyện C, tỉnh Tây Ninh, vắng mặt không lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, tại phiên tòa, nguyên đơn, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị Kim T có Cửa hàng vật tư nông nghiệp là Hai Triền; địa chỉ: Tổ 6, Ấp S, xã T, huyện C, tỉnh Tây Ninh.

Cuối năm 2017, ông T, bà T có mua phân bón của Công ty Q với số lượng lớn phục vụ cho nhu cầu trồng trọt, hai bên không có ký hợp đồng mua bán, Công ty chỉ ký phiếu xuất kho chở hàng đến Cửa hàng Hai Triền. Sau đó, ông T trả tiền hàng ký vào Sổ theo dõi công nợ của Công ty.

Tháng 8 năm 2018, Công ty Q và ông T có ký biên bản đối chiếu công nợ số tiền 663.250.000 đồng, hẹn qua lễ 2/9 thanh toán bớt một phần, ông T chưa thanh toán được khoản nào nên Công ty và ông T có thương lượng lãi suất chậm trả là 2%/tháng.

Đến tháng 12 năm 2018, ông T trả tiền lãi là 13.265.000 đồng, tổng cộng tiền nợ gốc và nợ lãi còn lại là 676.515.000 đồng.

Từ tháng 12 năm 2018 đến tháng 12 năm 2019, Công ty không liên lạc được với ông T, đến ngày 23-12-2019, Công ty có liên hệ được với ông T và chốt tiền nợ là 676.515.000 đồng, Công ty giảm tiền lãi cho ông T từ tháng 12 năm 2018 đến tháng 12 năm 2019.

Ngày 02-02-2021 ông T thanh toán cho Công ty 100.000.000 đồng; ngày 14-04-2021 thanh toán cho Công ty 50.000.000 đồng, tổng cộng 150.000.000 đồng; từ sau ngày 14-4-2021, ông T không còn thanh toán cho Công ty khoản nào khác.

Nay Công ty Q khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị Kim T có nghĩa vụ liên đới trả lại số tiền 526.515.000 đồng, không yêu cầu trả tiền nợ lãi.

Bị đơn ông Nguyễn Văn T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Kim T đã được triệu tập họp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt, không có văn bản trình bày ý kiến.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Tây Ninh phát biểu quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Hội đồng xét xử, Thẩm phán và Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc chấp hành của người tham gia tố tụng thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ Điều 430, 440 của Bộ luật Dân sự năm 2015 và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016, của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, đề nghị Hội đồng xét xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty TNHH MTV Q,

buộc ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Kim Thoa có nghĩa vụ trả cho Công ty tiền nợ gốc là 526.515.000 đồng; ghi nhận Công ty không yêu cầu tính tiền nợ lãi.

- Các đương sự phải chịu án phí, chi phí tố tụng theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, phát biểu của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Công ty TNHH MTV Q khởi kiện ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị Kim T, cư trú tại ấp S, xã T, huyện C, tỉnh Tây Ninh có nghĩa vụ trả tiền mua phân bón còn nợ là 526.515.000 đồng. Do đó Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tây Ninh thụ lý giải quyết và xác định quan hệ tranh chấp hợp đồng mua bán là đúng theo Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Người đại diện theo uỷ quyền của Công ty có đơn xin xét xử vắng mặt, ông T, bà T được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đương sự theo Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì thấy rằng:

[2] Xét thấy, việc mua bán phân bón giữa Công ty Q và ông T, bà T không có lập hợp đồng, không lập biên nhận thể hiện người mua, người bán, chỉ có Sổ theo dõi công nợ bán hàng của Công ty, biên bản đối chiếu công nợ ngày 23-12-2019. Trong sổ theo dõi công nợ bán hàng của Công ty thể hiện việc mua bán giữa Công ty Q và ông T diễn ra đến ngày 19-6-2018 thì ngưng, chốt số tiền nợ là 763.250.000 đồng; đến ngày 23-12-2018 còn nợ lại là 676.515.000 đồng. Tại biên bản đối chiếu công nợ ngày 23-12-2019, Công ty Q và ông T chốt số tiền mua phân bón còn nợ là 676.515.000 đồng, ghi chú về lộ trình thanh toán. Tại Kết luận giám định số 6304/KL-KTHS ngày 18-10-2023, thể hiện chữ ký, chữ viết họ tên “Nguyễn Văn T” dưới mục “Xác nhận của đại lý” trên tài liệu cần giám định là Biên bản đối chiếu công nợ ghi ngày 23-12-2019 so với chữ ký, chữ viết đứng tên Nguyễn Văn T trên các tài liệu mẫu so sánh là do cùng một người ký, viết ra. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành niêm yết công khai các chứng cứ do nguyên đơn cung cấp và các văn bản tố tụng cho ông T, bà T nhưng ông T, bà T vắng mặt không lý do, không có văn bản trình bày ý kiến coi như ông T, bà T không phản đối.

Do đó, quan hệ mua bán giữa Công ty và ông T là có thật, việc ông T, bà T còn nợ tiền mua phân bón của Công ty Q là có cơ sở.

Tại sổ theo dõi công nợ bán hàng của Công ty thể hiện ngày 02-02-2021, ông T đã thanh toán được 100.000.000 đồng, ngày 14-4-2021 thanh toán 50.000.000 đồng, còn nợ lại là 526.515.000 đồng. Xét thấy, Công ty không yêu cầu giám định chữ ký của ông T trong sổ theo dõi công nợ bán hàng nhưng sổ tiền chốt nợ tại biên bản đối chiếu công nợ ngày 23-12-2019 là 676.515.000 đồng; sau ngày 23-12-2019, Công ty thừa nhận ông T đã thanh toán được 150.000.000 đồng, còn lại tiền nợ là 526.515.000 đồng; sự thừa nhận này có lợi cho ông T, bà T và là tình tiết không phải chứng minh. Do đó, cần xác định số tiền nợ gốc ông T còn nợ Công ty là 526.515.000 đồng.

[3] Ông T, bà T là vợ chồng hợp pháp, cùng làm ăn sản xuất kinh doanh nên cần xác định khoản nợ tiền mua phân bón là nợ chung của vợ chồng, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty Q, buộc ông T, bà T có nghĩa vụ liên đới cùng trả cho Công ty số tiền nợ gốc là 526.515.000 đồng. Công ty Q không yêu cầu ông T bà T trả tiền nợ lãi nên cần ghi nhận.

[4] Xét đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C là có căn cứ và phù hợp với quy định pháp luật nên chấp nhận.

[5] Về chi phí tố tụng: Ông T, bà T phải chịu tiền chi phí giám định là 5.000.000 đồng. Công ty Q đã tạm ứng chi phí giám định nên ông T, bà T phải trả lại cho Công ty 5.000.000 đồng.

[6] Về án phí:

- Công ty Q không phải chịu tiền án phí.
- Ông T, bà T phải chịu tiền án phí của số tiền phải trả cho Công ty là 25.060.600 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 357, 430, 440, 468 của Bộ luật Dân sự; Điều 27, 37 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016, của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Q đối với ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị Kim T về tranh chấp hợp đồng mua bán.

Buộc ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị Kim T có nghĩa vụ liên đới trả cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Q tiền nợ gốc là 526.515.000 (năm trăm hai mươi sáu triệu năm trăm mười lăm nghìn) đồng. Ghi nhận Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Q không yêu cầu trả tiền nợ lãi.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền chưa thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2. Về chi phí tố tụng: Ông T, bà T phải cùng chịu chi phí giám định là 5.000.000 (năm triệu) đồng. Buộc ông T, bà T trả lại cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Q số tiền 5.000.000 (năm triệu) đồng đã tạm ứng.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Q không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Q 12.530.000 (mười hai triệu, năm trăm ba mươi nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí theo Biên lai thu số: 0018362 ngày 03-4-2023 và 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo Biên lai thu số 0008705 ngày 27-12-2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Tây Ninh.

Ông T, bà T cùng liên đới chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 25.060.600 (hai mươi lăm triệu, không trăm sáu mươi nghìn, sáu trăm) đồng.

4. Các đương sự trong vụ án có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND H.Châu Thành;
- CCTHADS H.Châu Thành;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, tập án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)**

Hồ Thị Bảo Ngọc

